



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Quyết định Thành lập số** 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Nghị  
Ông Lê Tiến Trường  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Phạm Phú Cường  
Ông Lê Khắc Hiệp

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường  
Bà Phạm Nguyên Hạnh  
Ông Lê Trung Hải  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Phạm Phú Cường  
Ông Nguyễn Đức Khiêm  
Ông Phạm Văn Tân  
Ông Lê Mạc Thuấn  
Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Nguyễn Khánh Sơn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)  
Giám đốc Điều hành

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền  
Bà Nguyễn Thị Kim Dung  
Ông Phan Thanh Sơn  
Bà Lê Thị Ánh Ngọc  
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam** **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 81 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 6 đến trang 81.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## **Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 556.969 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 460.083 triệu VND) (Thuyết minh 11(b)). Phần lãi trong Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hưởng như đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 96.886 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 125.524 triệu VND). Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú, cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này, nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, phần lãi trong Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể được xác định là cần thiết đối với các số liệu này trong trường hợp chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

## **Kết luận soát xét ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 3(b) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 3(b) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.
- Thuyết minh 50 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 đã được điều chỉnh lại.



Kết luận soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



---

Wang Toon Kim  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

---

Phạm Thị Thùy Linh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>8.205.919.035.708</b>	<b>9.327.841.126.519</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>10</b>	<b>524.284.606.279</b>	<b>412.299.064.625</b>
Tiền	111		255.184.606.279	294.068.859.146
Các khoản tương đương tiền	112		269.100.000.000	118.230.205.479
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.249.859.145.329</b>	<b>1.717.957.810.829</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11(a)	1.249.859.145.329	1.717.957.810.829
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.858.771.148.237</b>	<b>3.300.485.481.917</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	1.918.705.408.679	2.221.905.904.397
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		225.100.558.473	154.581.082.303
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	171.956.119.407	163.891.444.792
Phải thu ngắn hạn khác	136	14(a)	845.046.107.170	1.059.601.548.580
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(303.202.281.484)	(299.555.928.347)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.165.235.992	61.430.192
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>16</b>	<b>3.359.462.023.643</b>	<b>3.632.577.906.079</b>
Hàng tồn kho	141		3.452.932.131.923	3.697.724.041.470
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(93.470.108.280)	(65.146.135.391)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>213.542.112.220</b>	<b>264.520.863.069</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	22(a)	32.623.219.950	46.189.843.113
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		178.268.192.806	215.127.869.896
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25(a)	2.650.699.464	3.203.150.060

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>10.397.089.932.463</b>	<b>10.488.681.153.946</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>124.951.369.966</b>	<b>317.290.610.714</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.155.200.000	6.302.200.000
Phải thu dài hạn khác	216	14(b)	221.706.094.762	413.911.005.510
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	15	(102.909.924.796)	(102.922.594.796)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.629.643.203.524</b>	<b>6.819.610.165.215</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	6.393.239.295.594	6.576.001.310.029
Nguyên giá	222		12.886.810.022.278	12.858.122.123.460
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.493.570.726.684)	(6.282.120.813.431)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	18	117.549.238.220	120.962.708.756
Nguyên giá	225		163.990.886.048	160.507.724.393
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(46.441.647.828)	(39.545.015.637)
Tài sản cố định vô hình	227	19	118.854.669.710	122.646.146.430
Nguyên giá	228		169.917.282.120	172.023.713.283
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.062.612.410)	(49.377.566.853)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>20</b>	<b>313.208.523.783</b>	<b>324.297.220.190</b>
Nguyên giá	231		374.070.286.985	377.248.278.173
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(60.861.763.202)	(52.951.057.983)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>416.044.427.383</b>	<b>304.911.956.611</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	21	416.044.427.383	304.911.956.611
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.498.327.967.666</b>	<b>2.335.170.245.842</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	11(b)	2.313.625.711.183	2.142.674.504.385
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11(b)	216.863.877.154	217.063.877.154
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11(b)	(35.061.620.671)	(28.268.135.697)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11(a)	2.900.000.000	3.700.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>414.914.440.141</b>	<b>387.400.955.374</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	22(b)	409.805.298.111	381.972.481.387
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	23	4.527.783.097	4.647.115.054
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	781.358.933
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>18.603.008.968.171</b>	<b>19.816.522.280.465</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>10.566.556.600.422</b>	<b>11.882.499.919.383</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.176.610.067.220</b>	<b>7.301.440.420.908</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	1.303.849.563.532	1.349.816.540.799
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		122.655.250.459	74.776.634.082
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25(b)	109.604.430.146	60.442.550.710
Phải trả người lao động	314		370.454.191.888	562.443.228.583
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26(a)	87.283.861.579	89.510.100.874
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	28	38.576.991.947	13.679.365.174
Phải trả ngắn hạn khác	319	27(a)	262.849.599.640	456.063.772.448
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29(a)	3.690.613.426.826	4.531.543.973.875
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	30	764.398.343	2.314.337.751
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	31	189.958.352.860	160.849.916.612
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.389.946.533.202</b>	<b>4.581.059.498.475</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	17.600.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		18.448.738.622	21.147.559.587
Chi phí phải trả dài hạn	333	26(b)	23.716.800.000	23.716.800.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	28	318.561.483.745	328.411.892.102
Phải trả dài hạn khác	337	27(b)	81.517.164.224	95.938.343.430
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29(b)	3.856.959.434.728	4.021.815.432.977
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	63.293.832.608	62.239.358.739
Dự phòng phải trả dài hạn	342	30	27.449.079.275	27.772.511.640

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>32</b>	<b>8.036.452.367.749</b>	<b>7.934.022.361.082</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>8.009.133.783.277</b>	<b>7.905.682.963.100</b>
Vốn cổ phần	411	33	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414		39.707.195.973	39.707.195.973
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(751.951.666.799)	(751.951.666.799)
Quỹ đầu tư phát triển	418	34	585.913.905.645	543.609.956.752
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		789.433.232.361	745.261.787.239
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		655.565.087.846	226.529.059.553
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		133.868.144.515	518.732.727.686
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	35	543.092.845.095	550.677.792.232
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.772.576.338.650	1.748.015.965.351
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>27.318.584.472</b>	<b>28.339.397.982</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		27.318.584.472	28.339.397.982
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>18.603.008.968.171</b>	<b>19.816.522.280.465</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiến Trường  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	37	7.043.071.442.280	9.352.623.932.868
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	37	14.753.680.190	21.996.887.540
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>37</b>	<b>7.028.317.762.090</b>	<b>9.330.627.045.328</b>
Giá vốn hàng bán	11	38	6.399.684.541.332	8.544.189.121.564
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>628.633.220.758</b>	<b>786.437.923.764</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	39	147.690.426.216	141.721.210.138
Chi phí tài chính	22	40	241.518.174.515	302.036.632.456
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>188.549.315.716</i>	<i>256.670.540.096</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24	11(b)	289.883.395.658	367.396.321.419
Chi phí bán hàng	25	41	223.618.016.839	264.873.553.563
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	42	316.044.113.669	382.029.950.326
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>285.026.737.609</b>	<b>346.615.318.976</b>
Thu nhập khác	31	43	18.373.763.457	52.903.454.841
Chi phí khác	32	44	18.227.131.431	29.891.172.482
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>146.632.026</b>	<b>23.012.282.359</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>285.173.369.635</b>	<b>369.627.601.335</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	46	11.768.008.229	18.236.185.187
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	46	1.173.805.826	2.808.648.109
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>272.231.555.580</b>	<b>348.582.768.039</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		272.231.555.580	348.582.768.039
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		133.868.144.515	221.982.319.211
Cổ đông không kiểm soát	62		138.363.411.065	126.600.448.828
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
		47		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		204	384
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		184	346

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiến Trường  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>285.173.369.635</b>	<b>369.627.601.335</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		443.190.476.987	448.579.815.977
Các khoản dự phòng	03		36.877.769.227	(31.332.865.891)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại				
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9.736.267.689)	8.371.435.707
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(390.021.450.244)	(485.198.743.475)
Chi phí lãi vay	06		188.549.315.716	256.670.540.096
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>554.033.213.632</b>	<b>566.717.783.749</b>
<b>trước những thay đổi vốn lưu động</b>				
Biến động các khoản phải thu	09		430.874.760.209	(714.757.560.413)
Biến động hàng tồn kho	10		124.297.027.305	334.355.142.974
Biến động các khoản phải trả và				
nợ phải trả khác	11		(59.931.707.815)	584.688.115
Biến động chi phí trả trước	12		4.346.745.281	(9.254.581.416)
			<b>1.053.620.038.612</b>	<b>177.645.473.009</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(185.838.901.922)	(252.473.896.352)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.600.399.673)	(21.621.343.027)
Trả về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển				
Doanh nghiệp	17		(357.614.866.635)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(29.816.338.626)	(69.119.126.069)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>471.749.531.756</b>	<b>(165.568.892.439)</b>
<b>kinh doanh</b>				

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(578.046.612.266)	(353.230.768.966)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		37.102.014.975	19.263.901.041
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(787.560.000.000)	(996.551.985.801)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		1.246.940.990.885	159.694.667.123
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		200.000.000	7.320.810.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		372.720.184.765	436.025.104.308
Ảnh hưởng thuần của việc thoái vốn đầu tư vào công ty con		9	43.635.458.231	25.935.909.939
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>334.992.036.590</b>	<b>(701.542.362.356)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31		28.077.656.000	20.036.560.000
Tiền thu từ đi vay	33		8.101.839.024.903	9.465.109.392.652
Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.821.222.342.955)	(9.115.832.797.900)
Tiền trả cổ tức	36		(4.143.625.026)	(505.940.205.108)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(695.449.287.078)</b>	<b>(136.627.050.356)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>111.292.281.268</b>	<b>(1.003.738.305.151)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		412.299.064.625	1.591.051.847.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		693.260.386	2.329.854.457
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>10</b>	<b>524.284.606.279</b>	<b>589.643.396.532</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiên Trường  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết (1/1/2020: 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

<b>Loại công ty</b>	<b>Số lượng đơn vị</b>	<b>Tham chiếu</b>
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7	Xem Phụ lục 3
	<hr/>	
	33	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	34	Xem Phụ lục 4
	<hr/>	
	67	
	<hr/>	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có 29.016 nhân viên (1/1/2020: 33.963 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc ghi nhận theo giá gốc nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh số lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ cùng giảm 4.543 triệu VND (1/1/2020: 6.058 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 lần lượt sẽ giảm và tăng cùng một khoản 1.515 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm và tăng cùng một khoản 1.515 triệu VND).

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(s)(viii)).

**(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**(v) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

*Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

*Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai*

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

**(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |
| ▪ tài sản khác           | 4 – 10 năm |

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h)(ii).

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

**(k) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- hạ tầng khu công nghiệp                      4 – 45 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc                            10 – 50 năm

**(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

**(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(vi) Chênh lệch tỷ giá**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(b), lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

**(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(n) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

**(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(p) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**(r) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(s) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

**(v) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

**(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(vii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(viii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(ii)).

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

#### **6. Các khoản mục bất thường**

Sự bùng phát của vi rút Corona từ tháng 1 năm 2020 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu. Chính phủ Việt Nam đã áp dụng một số biện pháp hạn chế về kinh tế, xã hội kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Các biện pháp hạn chế này gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam và Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cũng sẽ bị ảnh hưởng lớn trong dài hạn.

Cơ quan Tổng Giám đốc đang tiếp tục theo dõi và đánh giá tình hình liên quan đến đại dịch này và sẽ có các biện pháp ứng phó thích hợp.

#### **7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Ngoại trừ những thay đổi được trình bày ở Thuyết minh 9, không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **8. Báo cáo bộ phận**

### **(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.114.819.117.292	845.269.039.142	68.229.605.656	-	7.028.317.762.090
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	488.856.329.043	262.055.153.702	49.699.093.103	(800.610.575.848)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	6.603.675.446.335	1.107.324.192.844	117.928.698.759	(800.610.575.848)	7.028.317.762.090
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	243.840.848.769	31.760.711.042	14.281.835.847	-	289.883.395.658
Kết quả kinh doanh của bộ phận	14.983.963.748	111.636.933.535	2.803.274.533	155.602.565.793	285.026.737.609
Thu nhập khác	15.657.025.719	2.647.115.073	81.010.518	(11.387.853)	18.373.763.457
Chi phí khác	(12.757.613.729)	(1.126.269.135)	(14.389.461)	(4.328.859.106)	(18.227.131.431)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(7.535.016.921)	(3.575.159.904)	(657.831.404)	-	(11.768.008.229)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	(1.173.805.826)	(1.173.805.826)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	10.348.358.817	109.582.619.569	2.212.064.186	150.088.513.008	272.231.555.580



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.402.075.498.637	1.280.005.663.470	648.545.883.221	-	9.330.627.045.328
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.740.573.888.520	179.892.369.269	12.628.189.784	(1.933.094.447.573)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>9.142.649.387.157</b>	<b>1.459.898.032.739</b>	<b>661.174.073.005</b>	<b>(1.933.094.447.573)</b>	<b>9.330.627.045.328</b>
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	360.986.547.469	1.450.240.881	4.959.533.069	-	367.396.321.419
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>132.223.463.069</b>	<b>8.645.332.565</b>	<b>37.462.708.825</b>	<b>168.283.814.517</b>	<b>346.615.318.976</b>
Thu nhập khác	69.507.079.305	921.620.540	1.694.513.284	(19.219.758.288)	52.903.454.841
Chi phí khác	(32.288.442.564)	(8.282.455.818)	(441.479.978)	11.121.205.878	(29.891.172.482)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(10.141.274.061)	(531.163.003)	(7.563.748.123)	-	(18.236.185.187)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	(2.808.648.109)	(2.808.648.109)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNĐN</b>	<b>159.300.825.749</b>	<b>753.334.284</b>	<b>31.151.994.008</b>	<b>157.376.613.998</b>	<b>348.582.768.039</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>					
Tài sản của bộ phận	20.257.559.994.945	135.317.133.811	1.626.209.822.271	(5.729.703.694.039)	16.289.383.256.988
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.139.446.586.922	360.603.919.796	-	813.575.204.465	2.313.625.711.183
<b>Tổng tài sản</b>	<b>21.397.006.581.867</b>	<b>495.921.053.607</b>	<b>1.626.209.822.271</b>	<b>(4.916.128.489.574)</b>	<b>18.603.008.968.171</b>
<b>Tổng nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>9.665.148.041.973</b>	<b>3.513.922.568.510</b>	<b>96.281.966.369</b>	<b>(2.708.795.976.430)</b>	<b>10.566.556.600.422</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>					
Chi tiêu vốn	499.205.021.432	19.471.872.121	124.879.614.292	(65.509.895.579)	578.046.612.266
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	398.078.749.880	730.981.884	21.984.019.453	(706.251.350)	420.087.499.867
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	6.241.010.685	655.621.506	-	-	6.896.632.191
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.638.066.143	607.761.705	34.922.160	-	2.280.750.008
Khấu hao bất động sản đầu tư	4.950.350.142	2.030.045.117	772.782.053	-	7.753.177.312

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>					
Tài sản của bộ phận	22.058.739.457.980	125.635.861.551	1.084.662.475.657	(5.595.190.019.108)	17.673.847.776.080
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.499.930.071.718	912.560.000	307.875.000	641.523.997.667	2.142.674.504.385
<b>Tổng tài sản</b>	<b>23.558.669.529.698</b>	<b>126.548.421.551</b>	<b>1.084.970.350.657</b>	<b>(4.953.666.021.441)</b>	<b>19.816.522.280.465</b>
<b>Tổng nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>13.359.910.694.509</b>	<b>349.782.590.217</b>	<b>653.113.034.473</b>	<b>(2.480.306.399.816)</b>	<b>11.882.499.919.383</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>					
Chi tiêu vốn	338.006.421.113	1.693.220.000	34.312.871.160	(20.781.743.307)	353.230.768.966
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	413.993.401.732	881.995.643	17.282.702.009	(366.485.185)	431.791.614.199
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	2.798.278.905	-	-	-	2.798.278.905
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.568.329.258	-	37.857.144	-	2.606.186.402
Khấu hao bất động sản đầu tư	904.281.518	103.867.002	2.112.799.417	-	3.120.947.937

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>			
Tổng doanh thu của bộ phận	3.606.380.522.685	3.421.937.239.405	7.028.317.762.090
Kết quả kinh doanh của bộ phận	321.657.912.119	306.975.308.639	628.633.220.758
Thu nhập không phân bổ			437.573.821.874
Chi phí không phân bổ			(781.180.305.023)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			285.026.737.609
Thu nhập khác			18.373.763.457
Chi phí khác			(18.227.131.431)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(12.941.814.055)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			272.231.555.580
<hr/>			
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>			
Tổng doanh thu của bộ phận	3.226.606.076.925	6.104.020.968.403	9.330.627.045.328
Kết quả kinh doanh của bộ phận	421.284.371.398	365.153.552.366	786.437.923.764
Thu nhập không phân bổ			509.117.531.557
Chi phí không phân bổ			(948.940.136.345)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			346.615.318.976
Thu nhập khác			52.903.454.841
Chi phí khác			(29.891.172.482)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(21.044.833.296)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			348.582.768.039
<hr/>			

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>			
Tài sản của bộ phận	1.162.216.204.130	834.590.927.560	1.996.807.131.690
Tài sản không phân bổ			16.606.201.836.481
			<hr/>
Tổng tài sản			18.603.008.968.171
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	817.753.293.293	627.200.259.320	1.444.953.552.613
Các khoản nợ không phân bổ			9.121.603.047.809
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			10.566.556.600.422
			<hr/>
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 1/1/2020</b>			
Tài sản của bộ phận	1.749.976.376.689	309.945.972.417	2.059.922.349.106
Tài sản không phân bổ			17.756.599.931.359
			<hr/>
Tổng tài sản			19.816.522.280.465
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	160.929.647.068	1.273.446.659.264	1.434.376.306.332
Các khoản nợ không phân bổ			10.448.123.613.051
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			11.882.499.919.383
			<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Thoái vốn đầu tư ở các công ty con**

Ngày 1 tháng 1 năm 2020, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, một công ty con cấp 2 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan, một công ty con cấp 3, cho nhà đầu tư khác.

Giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.406.487.769
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	69.901.984.770
Trả trước cho người bán ngắn hạn	863.334.586
Hàng tồn kho	120.494.882.242
Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	252.079.573
Tài sản ngắn hạn khác	681.006.189
Tài sản cố định hữu hình – nguyên giá	328.264.160.703
Tài sản cố định hữu hình – giá trị hao mòn lũy kế	(167.747.431.368)
Tài sản cố định vô hình – nguyên giá	484.000.000
Tài sản cố định vô hình – giá trị hao mòn lũy kế	(290.400.000)
Chi phí trả trước dài hạn	7.028.893.348
Phải trả người bán ngắn hạn	(38.969.768.922)
Phải trả ngắn hạn khác	(13.875.814.948)
Vay ngắn hạn	(221.874.185.471)
Vay dài hạn	(59.123.243.650)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(739.769.928)
	<hr/>
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát	34.356.214.893
Lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(8.388.642.470)
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 2 tại ngày mất quyền kiểm soát	25.967.572.423
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 2 sau khi mất quyền kiểm soát	-
	<hr/>
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	25.967.572.423
Lãi từ thoái vốn đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 39)	25.074.373.577
	<hr/>
Tiền thu được từ thoái vốn	51.041.946.000
Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(7.406.487.769)
	<hr/>
Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con	43.635.458.231
	<hr/> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	9.814.803.998	14.199.319.405
Tiền gửi ngân hàng	245.369.802.281	279.739.471.541
Tiền đang chuyển	-	130.068.200
Các khoản tương đương tiền	269.100.000.000	118.230.205.479
	<hr/>	<hr/>
	524.284.606.279	412.299.064.625

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 7.562 triệu VND (1/1/2020: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 27(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm 161.075 triệu VND (1/1/2020: 1.796 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.249.859.145.329	1.261.513.369.664	1.717.957.810.829	1.738.542.122.911
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu	2.900.000.000	(*)	3.700.000.000	(*)
	<u>2.900.000.000</u>		<u>3.700.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hường lãi suất năm từ 5% đến 8% (1/1/2020: từ 5,5% đến 7,3%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2020: 110.000 triệu VND) đã được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 29(b)).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2020			1/1/2020			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	78.097.762.609	33,82%	33,82%	70.529.828.761	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	414.529.662.894	30,40%	30,40%	411.821.835.137	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	82.219.432.882	46,93%	46,93%	67.410.144.717	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	21,21%	30.719.345.637	21,21%	21,21%	30.719.345.637	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	97.624.529.240	27,69%	27,69%	92.268.039.871	(*)
▪ Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	35,21%	35,21%	51.965.900.685	35,21%	35,21%	48.188.067.965	(*)
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	99.271.883.572	35,01%	35,01%	120.126.332.662	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	85.477.078.065	40,33%	40,33%	85.622.622.525	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	556.969.983.743	17,86%	17,86%	460.082.837.592	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	161.609.774.566	22,05%	22,05%	130.018.039.220	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			655.140.357.290			625.887.410.298	(*)
			<b>2.313.625.711.183</b>			<b>2.142.674.504.385</b>	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2020		1/1/2020		Giá trị hợp lý VND
	Tỷ lệ % số hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % số hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	
	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
			Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại
<b>Đơn vị khác</b>					
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>					
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	1.348.555.000
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>					
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,8%	2,8%	19.450.204.510	(11.394.827.652)	(*) 19.450.204.510
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*) 6.305.925.360
▪ Các khoản đầu tư khác			189.759.192.284	(23.666.793.019)	(*) 189.959.192.284
			<u>216.863.877.154</u>	<u>(35.061.620.671)</u>	<u>217.063.877.154</u>
					<u>(28.268.135.697)</u>

Trong năm 2016, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(d)(ii). Đồng thời, Đồng được trình bày trong Thuyết minh 27(a), ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định 1080/QĐ-BCT (“Quyết định 1080”) về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sáp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh hồi tố giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và số phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sáp xếp và Phát triển Doanh nghiệp dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt trong Quyết định 1080 nói trên.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, không có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn (1/1/2020: 156.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu kỳ - đã điều chỉnh lại	2.142.674.504.385	1.915.184.143.351
Tăng do thoái vốn đầu tư vào các công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết	-	75.773.913.929
Phần lãi trong công ty liên kết	289.883.395.658	367.396.321.419
Cổ tức nhận được	(118.932.188.860)	(176.986.945.339)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.313.625.711.183	2.181.367.433.360

**12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	196.490.837.643	233.239.988.791
Phải thu các khách hàng khác	1.722.214.571.036	1.988.665.915.606
	<hr/>	<hr/>
	1.918.705.408.679	2.221.905.904.397

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ 389.181 triệu VND (1/1/2020: 460.029 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	91.219.965.843	129.822.352.439
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	-	47.594.048.784
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	12.620.519.057	39.464.327.169
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	73.278.303.099	-
Các công ty liên quan khác	19.372.049.644	16.359.260.399
	<hr/>	<hr/>
	196.490.837.643	233.239.988.791
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**13. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	90.000.000.000	90.000.000.000
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	61.600.000.000	61.600.000.000
Các công ty khác	20.356.119.407	12.291.444.792
	<hr/>	<hr/>
	171.956.119.407	163.891.444.792
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 7% đến 9%).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	381.688.182.738	537.714.824.026
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	135.000.000.000	225.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	110.022.316.768	67.942.745.612
Phải thu lãi cho vay	91.777.981.948	108.490.160.101
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	32.088.773.471	31.097.155.583
Phải thu các khoản tạm ứng	28.945.880.549	13.423.239.425
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	11.654.224.335	20.584.312.082
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	8.062.181.201	29.619.799.850
Tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn	5.209.293.329	-
Phải thu tiền cho thuê đất	4.929.878.490	-
Các khoản chi hộ	2.721.727.200	3.029.332.110
Phải thu người lao động	737.378.904	4.869.040.422
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	-	10.000.000.000
Phải thu về cổ phần hóa	-	1.330.000
Phải thu khác	32.208.288.237	7.829.609.369
	<b>845.046.107.170</b>	<b>1.059.601.548.580</b>

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	133.261.814.453	278.000.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.600.000.000	12.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	53.813.680.000	53.623.680.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	23.000.002.400	33.204.124.800
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	-	24.637.500.000
Các công ty liên quan khác	36.745.208.335	33.844.908.039
	<b>259.420.705.188</b>	<b>435.910.212.839</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	43.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.909.924.796	102.922.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	-	193.247.416.406
Ký quỹ, ký cược dài hạn	34.437.799.483	34.233.531.413
Phải thu dài hạn khác	40.825.474.724	39.974.567.136
	221.706.094.762	413.911.005.510

- (i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2020				1/1/2020			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.913.572.750	(33.913.572.750)	-	Trên 3 năm	33.913.572.750	(33.913.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.313.792.764	(40.313.792.764)	-	Trên 3 năm	40.313.792.764	(40.313.792.764)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-
Các khách hàng khác	2 đến 3 năm	207.319.514.018	(199.053.349.210)	8.266.164.808	2 đến 3 năm	240.856.325.906	(195.406.996.073)	45.449.329.833
		311.468.446.292	(303.202.281.484)	8.266.164.808		345.005.258.180	(299.555.928.347)	45.449.329.833
<b>Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		102.909.924.796	(102.909.924.796)	-		102.922.594.796	(102.922.594.796)	-
<b>Trong đó:</b>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(303.202.281.484)				(299.555.928.347)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(102.909.924.796)				(102.922.594.796)	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	460.914.403.713	-
Nguyên vật liệu	1.057.497.987.208	(11.198.544.140)
Công cụ và dụng cụ	7.432.514.489	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	667.213.146.763	(4.801.598.388)
Thành phẩm	1.179.014.085.920	(65.409.026.545)
Hàng hóa	39.923.793.281	(12.060.939.207)
Hàng gửi đi bán	40.936.200.549	-
	3.452.932.131.923	(93.470.108.280)
	3.452.932.131.923	(93.470.108.280)
	<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	183.458.465.415	-
Nguyên vật liệu	1.141.187.366.798	(7.642.752.163)
Công cụ và dụng cụ	4.242.030.785	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.264.423.321.410	(8.229.414.350)
Thành phẩm	995.538.642.195	(46.959.322.185)
Hàng hóa	32.163.162.884	(2.314.646.693)
Hàng gửi đi bán	76.711.051.983	-
	3.697.724.041.470	(65.146.135.391)
	3.697.724.041.470	(65.146.135.391)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 879.956 triệu VND (1/1/2020: 532.414 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 657.463 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2020: 459.517 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



## 17. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.527.801.557.496	8.743.843.762.332	308.965.260.391	96.942.217.363	180.569.325.878	12.858.122.123.460
Tăng trong kỳ	147.926.375.201	121.834.239.537	3.321.221.256	72.409.091	2.268.949.183	275.423.194.268
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	72.151.603.668	65.946.119.422	1.285.384.545	483.950.000	-	139.867.057.635
Thanh lý	(8.266.830.197)	(37.012.447.326)	(3.841.692.241)	(444.829.929)	(8.772.392.689)	(58.338.192.382)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(57.227.511.625)	(268.467.594.275)	(2.106.798.633)	(462.256.170)	-	(328.264.160.703)
Phân loại lại	(10.592.888.538)	21.431.451.669	1.498.746.155	(3.290.608.891)	(9.046.700.395)	-
Số dư cuối kỳ	3.671.792.306.005	8.647.575.531.359	309.122.121.473	93.300.881.464	165.019.181.977	12.886.810.022.278

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.188.943.735.124	4.758.519.389.884	174.732.041.330	54.322.092.753	105.603.554.340	6.282.120.813.431
Khấu hao trong kỳ	104.089.916.306	293.287.314.100	11.717.479.767	1.922.069.203	9.070.720.491	420.087.499.867
Thanh lý	(2.666.056.685)	(34.135.241.014)	(2.135.001.176)	(444.829.929)	(1.509.026.442)	(40.890.155.246)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(34.971.978.876)	(130.760.711.849)	(1.552.484.473)	(462.256.170)	-	(167.747.431.368)
Phân loại lại	(448.540.991)	10.284.632	1.728.066.381	(1.600.874.056)	311.064.034	-
Số dư cuối kỳ	1.254.947.074.878	4.886.921.035.753	184.490.101.829	53.736.201.801	113.476.312.423	6.493.570.726.684
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	2.338.857.822.372	3.985.324.372.448	134.233.219.061	42.620.124.610	74.965.771.538	6.576.001.310.029
Số dư cuối kỳ	2.416.845.231.127	3.760.654.495.606	124.632.019.644	39.564.679.663	51.542.869.554	6.393.239.295.594

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 2.816.937 triệu VND (1/1/2020: 1.785.513 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Không có tài sản cố định hữu hình nào không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 3.986 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.815.055 triệu VND (1/1/2020: 5.422.460 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	158.986.329.173	1.521.395.220	160.507.724.393
Tăng trong kỳ	3.483.161.655	-	3.483.161.655
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	162.469.490.828	1.521.395.220	163.990.886.048
<hr/>			
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	39.203.467.929	341.547.708	39.545.015.637
Khấu hao trong kỳ	6.782.917.983	113.714.208	6.896.632.191
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	45.986.385.912	455.261.916	46.441.647.828
<hr/>			
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	119.782.861.244	1.179.847.512	120.962.708.756
Số dư cuối kỳ	116.483.104.916	1.066.133.304	117.549.238.220
<hr/>			

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	142.755.275.479	28.166.776.204	1.101.661.600	172.023.713.283
Tăng trong kỳ	-	198.350.600	-	198.350.600
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	30.922.000	-	30.922.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.851.703.763)	-	-	(1.851.703.763)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(484.000.000)	-	(484.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>140.903.571.716</b>	<b>27.912.048.804</b>	<b>1.101.661.600</b>	<b>169.917.282.120</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	26.546.228.686	22.159.417.658	671.920.509	49.377.566.853
Khấu hao trong kỳ	1.168.655.122	1.102.592.386	9.502.500	2.280.750.008
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(305.304.451)	-	-	(305.304.451)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(290.400.000)	-	(290.400.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27.409.579.357</b>	<b>22.971.610.044</b>	<b>681.423.009</b>	<b>51.062.612.410</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	116.209.046.793	6.007.358.546	429.741.091	122.646.146.430
Số dư cuối kỳ	113.493.992.359	4.940.438.760	420.238.591	118.854.669.710

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 8.273 triệu VND (1/1/2020: 7.025 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	209.038.587.579	168.209.690.594	377.248.278.173
Tăng trong kỳ	-	3.661.995.045	3.661.995.045
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	1.851.703.763	-	1.851.703.763
Thanh lý	(8.691.689.996)	-	(8.691.689.996)
Số dư cuối kỳ	202.198.601.346	171.871.685.639	374.070.286.985
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	12.796.849.884	40.154.208.099	52.951.057.983
Khấu hao trong kỳ	2.794.420.868	4.958.756.444	7.753.177.312
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	305.304.451	-	305.304.451
Thanh lý	(147.776.544)	-	(147.776.544)
Số dư cuối kỳ	15.748.798.659	45.112.964.543	60.861.763.202
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	196.241.737.695	128.055.482.495	324.297.220.190
Số dư cuối kỳ	186.449.802.687	126.758.721.096	313.208.523.783

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang và hệ thống cơ sở hạ tầng cây xanh, mặt bằng, kho, nhà sản xuất của nhà máy may Hải Phòng tại Khu công nghiệp Tân Liên, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Đường Số 3, Ấp Tràm Lạc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	304.911.956.611	690.509.110.384
Tăng trong kỳ	291.636.778.307	207.154.774.360
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(139.867.057.635)	(426.158.447.014)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(30.922.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	-	(12.830.088.089)
Chuyển sang tài sản chi phí trả trước dài hạn	(31.734.137.659)	-
Chuyển sang tài sản chi phí trả trước ngắn hạn	(706.718.146)	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(68.799.630.403)
Xóa sổ	(8.165.472.095)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>416.044.427.383</b>	<b>389.875.719.238</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Nhà máy Sợi Nam Định	18.841.452.363	18.858.345.490
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	5.089.929.018	4.779.604.583
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Sợi 2	-	148.557.693
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	-	3.099.914.454
• Văn phòng Ngô Thị Nhậm	33.901.537.722	30.768.928.375
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	15.811.773.666	5.973.859.190
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	141.025.000	20.669.233.014
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ		
• Đầu tư xây dựng Tổ hợp Trung tâm May Đo Thời trang - Showroom - Văn phòng cho thuê	-	26.342.272.713
• Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải	-	2.841.983.614
• Dự án xây dựng Nhà máy May Triệu Phong	20.743.142.108	-
• Thiết bị nhà máy Sợi	23.470.553.583	4.442.285.100
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Nhà máy Sợi	2.372.722.965	397.213.085
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Dự án May Nghi Lâm	116.902.530.017	40.728.693.862

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	18.857.851.051	18.857.851.051
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	315.045.271	315.045.271
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.079.345.579	13.262.879.215
• Các công trình khác	28.691.011.572	32.974.765.097
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Máy móc thiết bị	30.636.098.509	7.476.331.976
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Dự án chuyển đổi nhà xưởng vải sang nhà xưởng may	-	12.006.765.900
• Cải tạo dây chuyền in ngành gia dụng	-	2.259.746.295
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt may Phố Nối		
• Hệ thống xử lý nước thải	15.385.131.475	9.909.904.894
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
• Dự án nhà máy kéo sợi	22.097.488.472	3.765.556.959
▪ Các công trình khác	49.707.789.012	45.032.218.780
	416.044.427.383	304.911.956.611

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.416 triệu VND (1/1/2020: 35.567 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

Trong kỳ, không có chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 286 triệu VND).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Chi phí trả trước**

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trả trước phí bảo hiểm	7.169.345.825	14.514.864.161
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	3.093.362.742	8.957.276.927
Công cụ dụng cụ	8.003.418.947	11.198.995.818
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.357.092.436	11.518.706.207
	<b>32.623.219.950</b>	<b>46.189.843.113</b>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuế văn phòng, nhà xưởng trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chênh lệch tỷ giá (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	223.129.318.144	23.678.131.173	59.535.290.412	16.550.387.628	23.311.247.477	6.058.425.748	29.709.680.805	381.972.481.387
Tăng trong kỳ	1.908.813.940	15.021.384.939	17.142.624.073	2.347.405.065	2.435.854.042	-	28.506.010.033	67.362.092.092
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	16.596.078.075	3.792.851.295	11.345.208.289	-	-	31.734.137.659
Phân bổ trong kỳ	(7.193.231.119)	(2.627.983.452)	(25.381.511.832)	(3.596.552.063)	(9.178.730.357)	(1.514.606.436)	(14.741.904.420)	(64.234.519.679)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	-	(7.028.893.348)	-	-	-	(7.028.893.348)
Số dư cuối kỳ	217.844.900.965	36.071.532.660	67.892.480.728	12.065.198.577	27.913.579.451	4.543.819.312	43.473.786.418	409.805.298.111

(\*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 1.813 triệu VND (1/1/2020: 11.265 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	2.223.989.169	2.343.321.126
Các khoản mục khác	20%	2.303.793.928	2.303.793.928
		<hr/>	<hr/>
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>4.527.783.097</b>	<b>4.647.115.054</b>
		<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	63.293.832.608	62.239.358.739
		<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	64.001.730.936	172.423.409.011
Phải trả người bán khác	1.239.847.832.596	1.177.393.131.788
	<hr/>	<hr/>
	1.303.849.563.532	1.349.816.540.799

(\*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	27.857.843.060	27.395.165.300
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	13.707.363.378	62.592.362.801
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	12.868.574.580	76.287.430
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	281.354.761	1.892.851.344
Tổng Công ty May 10 – CTCP	138.386.106	5.308.001.975
Công ty TNHH Coats Phong Phú	-	52.016.834.147
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai	-	21.812.092.514
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	-	483.390.499
Các công ty liên quan khác	9.148.209.051	846.423.001
	<hr/>	<hr/>
	64.001.730.936	172.423.409.011

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong kỳ VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con VND	30/6/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.166.406.897	859.971.239	(1.813.311.204)	-	1.213.066.932
Thuế xuất nhập khẩu	402.143.304	287.817.332	-	-	689.960.636
Các loại thuế khác	546.438.029	3.140.750.061	(3.072.816.828)	-	614.371.262
Các khoản khác	88.161.830	297.218.377	-	(252.079.573)	133.300.634
	3.203.150.060	4.585.757.009	(4.886.128.032)	(252.079.573)	2.650.699.464

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>	<b>Thuế GTGT</b> <b>đầu ra</b> <b>VND</b>	<b>Số phải nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Bù trừ với thuế</b> <b>GTGT đầu vào/</b> <b>số phải thu</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	29.363.702.910	341.925.187.635	-	(126.677.357.687)	(173.759.356.853)	70.852.176.005
Thuế xuất nhập khẩu	16.162.399	-	240.355.137	(256.517.536)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.606.013.113	-	11.768.008.229	(7.740.428.434)	(1.813.311.204)	10.820.281.704
Thuế thu nhập cá nhân	8.384.077.397	-	11.148.887.892	(18.385.037.244)	-	1.147.928.045
Thuế tài nguyên	295.619.546	-	814.149.553	(959.547.960)	-	150.221.139
Thuế nhà đất	13.773.946.000	-	1.564.523.284	(219.568.250)	-	15.118.901.034
Tiền thuế đất	-	-	14.496.213.185	(5.175.723.603)	-	9.320.489.582
Các loại thuế khác	3.029.345	-	3.409.328.224	(1.217.924.932)	-	2.194.432.637
	<b>60.442.550.710</b>	<b>341.925.187.635</b>	<b>43.441.465.504</b>	<b>(160.632.105.646)</b>	<b>(175.572.668.057)</b>	<b>109.604.430.146</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	50.003.071.609	45.931.987.781
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	7.392.376.917	7.458.605.289
Chi phí gia công thuê ngoài	7.367.474.803	7.300.891.855
Phí hoa hồng	5.055.004.430	6.585.089.728
Chi phí cải tạo, sửa chữa	582.899.227	1.626.461.433
Chi phí hoạt động	8.287.019.156	8.461.676.816
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	4.635.505.759	2.304.124.079
Chi phí phải trả khác	3.960.509.678	9.841.263.893
	87.283.861.579	89.510.100.874
	87.283.861.579	89.510.100.874

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	24.665.472.000	24.665.472.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	23.716.800.000	23.716.800.000
	23.716.800.000	23.716.800.000

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	-	357.614.866.635
Phải trả cổ tức	113.357.281.557	5.519.860.883
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	59.906.524.624	30.096.315.904
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	15.120.766.199	15.317.470.886
Phải trả lãi vay khác	5.107.121.897	6.271.087.244
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.783.576.478
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 10)	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả tiền hỗ trợ xây dựng nhà máy	722.579.883	-
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	-	1.186.167.455
Các khoản phải trả khác	57.927.986.181	28.712.335.951
	<hr/>	
	262.849.599.640	456.063.772.448
	<hr/>	

(\*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần. Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Bộ Tài chính và Bộ Công thương đã tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định 1080/QĐ-BCT về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh hồi tố giá trị của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt trong Quyết định 1080 nói trên. Đồng thời, tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn đã nộp toàn bộ khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	60.127.606.563	60.127.606.563
Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	9.212.500.000	9.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	6.951.057.661	21.372.236.867
	81.517.164.224	95.938.343.430

(\*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

**28. Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	357.138.475.692	342.091.257.276
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(38.576.991.947)	(13.679.365.174)
	318.561.483.745	328.411.892.102



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2020		Biến động trong kỳ		30/6/2020	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.928.890.364.969	5.328.665.671.317	(5.899.653.016.475)	(221.874.185.471)	(333.841.940)	3.135.694.992.400
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 29(b))	573.833.327.194	170.307.560.951	(210.542.225.485)	-	264.439.118	533.863.101.778
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 29(b))	28.820.281.712	8.486.824.117	(16.256.091.380)	-	4.318.199	21.055.332.648
	4.531.543.973.875	5.507.460.056.385	(6.126.451.333.340)	(221.874.185.471)	(65.084.623)	3.690.613.426.826

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, trong khoản vay ngắn hạn có 1.709.874 triệu VND (1/1/2020: 2.126.673 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 tổng cộng là 1.932.994 triệu VND (1/1/2020: 2.204.249 triệu VND) (các Thuyết minh 10, 11, 12, 16, 17, 21 và 22). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 2,7% đến 10,5%).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 2,85% đến 10%).

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	4.333.893.092.804	4.534.609.224.579
Nợ thuê tài chính dài hạn	62.593.026.124	71.960.273.583
Nợ dài hạn khác	15.391.750.226	17.899.543.721
	<hr/>	<hr/>
	4.411.877.869.154	4.624.469.041.883
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 29(a))	(554.918.434.426)	(602.653.608.906)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.856.959.434.728	4.021.815.432.977

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, trong khoản vay dài hạn bao gồm:

- 2.588.689 triệu VND (1/1/2020: 2.084.668 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 4.230.025 triệu VND (1/1/2020: 4.415.282 triệu VND) (các Thuyết minh 10, 11, 12, 16, 17, 21 và 22). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,7% đến 12,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 3% đến 12,6%).
- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.617.010 triệu VND (1/1/2020: 1.625.777 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 134.477 triệu VND (1/1/2020: 143.898 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2020: khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị 110.000 triệu VND).
- Các khoản vay từ cá nhân dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,5% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 2,5% đến 10%).

### 30. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong kỳ như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	24.665.668.570	5.421.180.821	30.086.849.391
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	764.398.343	764.398.343
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(1.314.272.504)	(1.314.272.504)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(1.323.497.612)	(1.323.497.612)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>24.665.668.570</b>	<b>3.547.809.048</b>	<b>28.213.477.618</b>
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	764.398.343	764.398.343
Dự phòng phải trả dài hạn	24.665.668.570	2.783.410.705	27.449.079.275

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	160.849.916.612	151.092.984.303
Trích lập trong kỳ	59.664.544.802	70.922.095.691
Sử dụng trong kỳ	(29.816.338.626)	(38.465.742.070)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(739.769.928)	(1.846.645.831)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	189.958.352.860	181.702.692.093

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Số dư tại ngày 1/1/2019 – đã điều chỉnh lại trước đây	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguyên kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
5.000.000.000.000	30.361.932.352	42.248.630.739	(752.679.567.958)	526.746.543.959	662.646.196.041	550.677.792.232	1.899.300.912.234	7.959.302.439.599	30.381.025.002	7.989.683.464.601	
5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(740.362.454.896)	526.746.543.959	657.194.865.550	550.677.792.232	1.899.300.912.234	7.965.717.920.710	30.381.025.002	7.996.098.945.712	
-	450.281.460	-	(12.317.113.062)	-	5.451.350.491	-	-	-	(6.415.481.111)	-	(6.415.481.111)
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	20.036.560.000	-	20.036.560.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	221.982.319.211	-	-	-	348.582.768.039	-	348.582.768.039
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	(17.650.775.922)	-	-	-	(70.922.095.691)	-	(70.922.095.691)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(59.622.000.356)	-	-	-	(31.644.164.410)	-	(31.644.164.410)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(3.577.310.884)	-	-	-	(442.272.523.232)	(1.020.813.510)	(442.272.523.232)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(300.000.000.000)	-	-	(95.152.880.606)	-	(95.152.880.606)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	1.039.112.125	(12.393.960.116)	-	12.393.960.116	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	5.630.079.185	(9.505.093.111)	-	-	2.036.199.030	-	-	2.116.297.229
5.000.000.000.000	30.361.932.352	45.164.630.739	(747.049.488.773)	541.859.121.122	485.456.685.747	550.677.792.232	1.784.596.541.019	7.691.067.214.438	29.360.211.492	7.720.427.425.930	
Số dư tại ngày 30/6/2019											
5.000.000.000.000	30.361.932.352	39.707.195.973	(751.951.666.799)	543.609.956.752	745.261.787.239	550.677.792.232	1.748.015.965.351	7.905.682.963.100	28.339.397.982	7.934.022.361.082	
Số dư tại ngày 1/1/2020 – đã điều chỉnh lại trước đây	5.000.000.000.000	29.911.650.892	39.707.195.973	(739.634.553.757)	543.609.956.752	739.021.636.748	550.677.792.232	1.748.015.965.351	7.911.309.644.211	28.339.397.982	7.939.649.042.193
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 50)	-	450.281.460	-	(12.317.113.062)	-	6.240.150.491	-	-	(5.626.681.111)	-	(5.626.681.111)
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	28.077.656.000	-	28.077.656.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	133.866.144.515	-	-	272.231.555.580	-	272.231.555.580
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	42.303.948.893	(42.303.948.893)	-	-	(59.664.544.802)	-	(59.664.544.802)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(31.835.351.408)	-	-	-	(111.981.045.700)	-	(111.981.045.700)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.020.813.510)	(1.020.813.510)	(1,020,813,510)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.388.642.470)	-	(8,388,642,470)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	8.311.972.936	(8.311.972.936)	-	8.311.972.936	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(7.245.426.156)	-	(7.584.947.137)	(1.993.785.138)	(16.824.158.431)	-	(16,824,158,431)
5.000.000.000.000	30.361.932.352	39.707.195.973	(751.951.666.799)	585.913.905.645	789.433.232.361	543.092.845.095	1.772.576.338.650	8.009.133.783.277	27.318.584.472	8,036,452,367,749	
Số dư tại ngày 30/6/2020											

(\*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 33. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

### 34. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
<b>Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất</b>		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.016	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
<b>Nguồn khác</b>	-	7.584.947.009
	<b>543.092.845.095</b>	<b>550.677.792.232</b>

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phân nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

**36. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	58.797.066.541	48.077.156.998
Trong vòng hai đến năm năm	155.552.779.363	135.652.138.384
Sau năm năm	184.505.165.059	219.537.525.087
	<b>398.855.010.963</b>	<b>403.266.820.469</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.291.154	52.942.319.664	2.521.279	55.659.819.769
EUR	102.096	2.615.724.626	2.766	71.336.568
		55.558.044.290		55.731.156.337

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		12.673.783.224	12.673.783.224
			23.087.954.667	23.087.954.667

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	814.520.049.382	1.009.242.614.928
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	68.099.318.859	129.483.231.404
	882.619.368.241	1.138.725.846.332



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Bán hàng	6.716.063.550.999	9.059.544.515.898
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	278.837.143.395	248.543.037.566
▪ Bán và cho thuê bất động sản	48.170.747.886	44.536.379.404
	<hr/> 7.043.071.442.280	<hr/> 9.352.623.932.868
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Chiết khấu thương mại	(8.535.923.220)	(9.063.806.117)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.302.736.538)	(7.583.542.296)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.915.020.432)	(5.349.539.127)
	<hr/> (14.753.680.190)	<hr/> (21.996.887.540)
<b>Doanh thu thuần</b>	<hr/> 7.028.317.762.090	<hr/> 9.330.627.045.328

**38. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng giá vốn hàng bán của:</b>		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	6.146.845.096.839	8.370.018.542.399
▪ Dịch vụ đã cung cấp	189.098.217.266	161.186.541.140
▪ Bán và cho thuê bất động sản	35.417.254.338	37.732.578.901
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	28.323.972.889	(24.748.540.876)
	<hr/> 6.399.684.541.332	<hr/> 8.544.189.121.564

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	68.465.742.931	82.158.804.170
Lãi thuần do thoái vốn đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 9)	25.074.373.577	7.024.869.827
Cổ tức được chia	3.653.345.786	24.036.902.187
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.928.504.477	17.345.671.309
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.322.554.643	4.073.912.541
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.245.904.802	7.081.050.104
	<hr/>	<hr/>
	147.690.426.216	141.721.210.138
	<hr/>	<hr/>

**40. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí lãi vay	188.549.315.716	256.670.540.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.353.015.480	19.753.048.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.586.286.954	12.445.348.248
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6.793.484.974	5.814.774.234
Chi phí tài chính khác	4.236.071.391	7.352.920.924
	<hr/>	<hr/>
	241.518.174.515	302.036.632.456
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	23.930.672.569	41.848.626.739
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.726.829.226	2.789.658.427
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.588.305.063	3.942.654.626
Chi phí vận chuyển	69.263.298.848	55.844.704.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.233.965.718	103.553.938.296
Chi phí bao bì	12.800.333.440	14.728.952.680
Chi phí hoa hồng	13.996.410.932	13.000.233.224
Chi phí xuất nhập khẩu	16.995.498.706	10.874.873.614
Chi phí bán hàng khác	13.082.702.337	18.289.911.521
	223.618.016.839	264.873.553.563

**42. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	150.464.737.439	188.191.417.945
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	8.550.666.022	15.864.394.254
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.075.222.236	17.353.340.666
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	3.633.683.137	(12.093.994.636)
Thuế, phí và lệ phí	13.373.044.928	15.688.803.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.672.568.233	88.250.981.397
Tiền thuê đất	9.042.202.826	10.921.350.300
Công tác phí	2.811.357.062	5.017.088.804
Chi phí tiếp khách	2.714.760.441	7.864.625.583
Chi phí đào tạo	633.060	2.544.983.883
Chi phí khác	42.705.238.285	42.426.958.955
	316.044.113.669	382.029.950.326

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**43. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.299.172.486	19.263.901.041
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	9.101.174.868	20.244.740.259
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.626.190.496	1.114.068.658
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	1.856.357.337
Thu từ các khoản khác	4.347.225.607	10.424.387.546
	<b>18.373.763.457</b>	<b>52.903.454.841</b>

**44. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	354.580.194	14.682.055.169
Phạt vi phạm thuế	75.847.927	181.388.276
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	7.904.449.335	610.490.980
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	1.477.892.466	1.214.482.747
Chi các khoản khác	8.414.361.509	13.202.755.310
	<b>18.227.131.431</b>	<b>29.891.172.482</b>

**45. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	3.698.890.434.747	4.174.314.249.823
Chi phí nhân viên	1.193.322.672.926	1.615.068.487.217
Chi phí khấu hao	443.190.476.987	448.579.815.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	829.169.481.653	982.608.565.368
Chi phí khác	165.025.530.978	169.014.160.562

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**46. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	11.762.963.709	18.236.185.187
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.044.520	-
	<hr/>	<hr/>
	11.768.008.229	18.236.185.187
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.173.805.826	2.808.648.109
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	12.941.814.055	21.044.833.296

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	285.173.369.635	369.627.601.335
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	57.034.673.927	73.925.520.267
Ưu đãi thuế	(117.349.000)	(2.004.218.892)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(3.255.965.056)	(1.675.558.806)
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.188.298.781	6.860.690.364
Thu nhập không bị tính thuế	(58.707.348.289)	(78.286.644.721)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(1.246.879.696)	(9.067.878.321)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	8.041.338.868	31.292.923.405
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.044.520	-
	<hr/>	<hr/>
	12.941.814.055	21.044.833.296

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**47. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)	133.868.144.515	221.982.319.211
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(31.835.351.408)	(29.811.000.178)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	102.032.793.107	192.171.319.033
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	204	384
	<hr/>	<hr/>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2019.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	102.032.793.107	192.171.319.033
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 35)	54.309.285	55.067.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	555.067.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND)	184	346

**48. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	72.368.079.355	95.717.727.385
Bán hàng hóa	196.175.256.399	125.507.360.625
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	897.193.397	20.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.225.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	229.131.354	474.194.795
Mua hàng	-	296.245.909

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Tổng Công ty May 10 - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	637.769.366	542.667.152
Mua hàng hóa và dịch vụ	148.250.045	5.664.605.455
<b><i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.411.600.355	1.901.603.980
Mua hàng hóa và dịch vụ	21.818.000	3.645.703.535
<b><i>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.078.867.323	9.401.757.673
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	642.001.372
<b><i>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	82.050.500
<b><i>Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú</i></b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	6.985.737.948
<b><i>Tổng Công ty Đức Giang - CTCP</i></b>		
Mua hàng hóa	746.228.218	1.141.195.359
<b><i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i></b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	509.576.495	518.625.430
Mua hàng hóa và dịch vụ	26.760.440.534	28.361.738.610
<b><i>Công ty CP Dệt May Liên Phương</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	28.127.138.101
Thu nhập khác	-	15.267.600.000
<b><i>Công ty May V Dệt may Nam Định</i></b>		
Khoản cho vay	4.500.000.000	2.700.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	6.000.000.000	3.900.000.000
Bán hàng hóa	717.320.020	577.236.639
<b><i>Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam</i></b>		
Bán hàng hóa	62.852.680	71.370.437
Mua hàng hóa	33.774.065.985	38.758.157.257
<b><i>Công ty CP May 1 Dệt Nam Định</i></b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.355.768.431
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát</b>		
Thù lao đã trả	3.522.258.591	3.118.987.914



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**49. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tăng tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	3.483.161.655	9.776.737.950

**50. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày ở các Thuyết minh 11(b) và 27(a), ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1080/QĐ-BCT về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố giá trị của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt tại Quyết định 1080.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	30/6/2019	30/6/2019
	VND	VND
	(Đã điều chỉnh lại)	(Theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	911.950.265.134	925.216.059.283
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.181.367.433.360	2.185.568.249.309
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	238.275.779.919	238.606.679.068
Phải trả ngắn hạn khác	505.508.418.294	516.890.446.430
Thặng dư vốn cổ phần	30.361.932.352	29.911.650.892
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(747.049.488.773)	(734.732.375.711)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	485.456.685.747	480.005.335.256

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b> <b>(Đã điều chỉnh lại)</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b> <b>(Theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>
Phải thu ngắn hạn khác	1.059.601.548.580	1.072.867.342.729
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.142.674.504.385	2.146.875.320.334
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	217.063.877.154	216.605.976.303
Phải trả ngắn hạn khác	456.063.772.448	467.445.800.584
Thặng dư vốn cổ phần	30.361.932.352	29.911.650.892
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(751.951.666.799)	(739.634.553.737)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	745.261.787.239	739.021.636.748

Ngoại trừ các điều chỉnh nói trên, số liệu so sánh được mang sang từ i) các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan và ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

Người lập:



**Trần Thị Thu Hằng**  
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



**Nguyễn Ngọc Cách**  
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán



**Lê Tiên Trường**  
 Tổng Giám đốc

**Phụ lục 1**

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020
					Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100%	100%	163.529.009.868	163.529.009.868	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (i)	56,68%	56,68%	73.657.321.350	39.196.265.350	3.461.864.000	625.000.000
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	38.633.449.251	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	172.033.729.000	172.033.729.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	532.242.925.014	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex (ii)	100%	100%	500.000.000.000	532.856.238.375	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	59,74%	59,74%	33.800.000.000	33.800.000.000	-	-

(i) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài đã chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác nhưng không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này.

(ii) Trong kỳ, Tập đoàn đã quyết toán vốn góp của Tập đoàn tại Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex.

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình	48,39%	48,39%	74,49%	74,49%	74.490.000.000	74.490.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chấn Len – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>									
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú (I)	45,09%	44,39%	90%	88,61%	220.050.000.000	200.527.468.554	-	-
<b>Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex</b>									
11	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-	-
12	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	87,75%	87,75%	87,75%	87,75%	70.200.000.000	70.200.000.000	-	-

**Phụ lục 3**

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020
<b>Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan	-	43,70%	-	75,90%	-	26.653.336.785	-	-
2	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.360.406	-	-
3	Công ty Cổ phần May Halotexco (ii)	30,88%	37,75%	53,64%	53,64%	3.755.000.000	3.755.000.000	-	1.100.000.000
4	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
5	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
6	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (ii)	30,65%	31,10%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	200.000.000
7	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,27%	77,27%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này.
- (ii) Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã bán toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại hai công ty con này.



**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,21%	35,21%	31.692.220.000	31.692.220.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty Cổ phần May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	16.407.300.000	16.407.300.000
11	Công ty Cổ phần May Nam Định (i)	30,00%	30,00%	9.000.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	33,82%	33,82%	102.273.980.000	102.273.980.000
17	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	85.443.720.435	85.443.720.435
18	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,66%	30,66%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	21,21%	29.700.000.000	29.700.000.000
20	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	44,52%	44,52%	37.275.000.000	37.275.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định</b>					
21	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2.700.000.000	2.700.000.000
22	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
23	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1.980.000.000	1.980.000.000
24	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	24,67%	24,67%	13.791.000.000	13.791.000.000

#### Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>					
25	Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>					
26	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	12,99%	12,99%	4.000.000.000	4.000.000.000
27	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	20,88%	20,88%	6.428.000.000	6.428.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>					
28	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80.347.424.000	80.347.424.000
29	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
30	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4.231.000.000	4.231.000.000
31	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.586.200.608	144.586.200.608
32	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	18,03%	18,03%	21.724.480.000	21.724.480.000
33	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	15,20%	15,20%	56.143.750.000	56.143.750.000
34	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15,89%	15,89%	6.341.919.708	6.341.919.708

- (i) Trong kỳ, Công ty Cổ phần May Nam Định đã tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối, qua đó làm tăng giá trị đầu tư theo mệnh giá của Tập đoàn tại công ty liên kết này.



**TẬP ĐOÀN DỆT MAY  
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 593 /TĐDMVN-TCKT  
v/v: giải trình một số vấn đề  
trong BCTC soát xét bán niên  
năm 2020

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin giải trình một số vấn đề trong báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2020:

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó TCT CP Phong Phú sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 557 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2020 (1/1/2020: 460 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong LNST thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Coats Phong Phú là 97 tỷ VND (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 126 tỷ VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị TCT CP Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2020 của Coats Phong Phú.

Tuy nhiên, đến ngày 28/8/2020 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2020 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, KPMG vẫn chưa được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2020 của Tập đoàn.

2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC soát xét bán niên năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 có sự chênh lệch trên 10%:

Đối với BCTC soát xét bán niên Công ty Mẹ:

- LNST 6 tháng năm 2020 trên BCTC soát xét riêng: 10.704.120.913 đồng
- LNST 6 tháng năm 2019 trên BCTC soát xét riêng: 13.334.616.161 đồng



Chênh lệch giảm: 2.630.495.248 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 19,73% so với số cùng kỳ năm trước.

Đối với BCTC soát xét bán niên Hợp nhất:

- LNST 6 tháng năm 2020 trên BCTC soát xét hợp nhất: 272.231.555.580 đồng
- LNST 6 tháng năm 2019 trên BCTC soát xét hợp nhất: 348.582.768.039 đồng

Chênh lệch giảm: 76.351.212.459 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 21,9% so với số cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng Công ty Mẹ và Hợp nhất toàn Tập đoàn giảm so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu do dịch bệnh Covid-19 lan rộng trên toàn cầu trong những tháng đầu năm 2020 khiến sản xuất kinh doanh nhiều ngành nghề ở nhiều quốc gia bị ảnh hưởng, trong đó có ngành dệt may nói chung và Tập đoàn Dệt May Việt Nam nói riêng. Dưới tác động tiêu cực của dịch bệnh, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ và hầu hết các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đều sụt giảm dẫn đến kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đặng Vũ Hùng**